

NGHIÊN CỨU NHU CẦU ĐÀO TẠO KỸ NĂNG MỀM (LÀM VIỆC NHÓM, QUẢN LÝ THỜI GIAN, KIỂM SOÁT CẢM XÚC) CHO SINH VIÊN NGÀNH Y SĨ ĐA KHOA TẠI CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG

Hồ Kim Dung
Trường Cao đẳng Lào Cai
Email: Dung@ylc.edu.vn

Tóm tắt: Nghiên cứu đánh giá thực trạng và nhu cầu đào tạo kỹ năng mềm (làm việc nhóm, quản lý thời gian, kiểm soát cảm xúc) của sinh viên ngành Y sĩ đa khoa. Kết quả cho thấy sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm nhưng mức độ thành thạo còn hạn chế, đặc biệt ở quản lý thời gian và kiểm soát cảm xúc. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất tích hợp kỹ năng mềm vào chương trình đào tạo, tăng cường học tập trải nghiệm và gắn với thực hành nghề nghiệp nhằm nâng cao năng lực toàn diện cho sinh viên.

Từ khóa: Kỹ năng mềm; làm việc nhóm; quản lý thời gian; kiểm soát cảm xúc; sinh viên Y sĩ đa khoa; nhu cầu đào tạo; giáo dục nghề nghiệp y tế.

RESEARCH ON SOFT SKILLS TRAINING NEEDS (TEAMWORK, TIME MANAGEMENT, AND EMOTIONAL REGULATION) AMONG GENERAL PRACTITIONER STUDENTS AT COLLEGES

Abstract: This study examines the current status and training needs of soft skills (teamwork, time management, emotional regulation) among General Practitioner students. Findings reveal strong awareness but limited proficiency, especially in time management and emotional regulation. The study suggests integrating soft skills into curricula and promoting experiential, practice-based training to enhance students' overall competencies.

Keywords: Soft skills; teamwork; time management; emotional regulation; General Practitioner students; training needs; vocational healthcare education.

Nhận bài: 05/03/2026

Phản biện: 24/03/2026

Duyệt đăng: 27/03/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh đổi mới hệ thống y tế, nguồn nhân lực không chỉ cần vững chuyên môn mà còn phải có kỹ năng mềm như làm việc nhóm, quản lý thời gian và kiểm soát cảm xúc. Tuy nhiên, sinh viên ngành Y sĩ đa khoa hiện nay còn hạn chế ở các kỹ năng này do chương trình đào tạo chưa chú trọng đầy đủ và thiếu gắn kết với thực tiễn. Vì vậy, việc nghiên cứu thực trạng và nhu cầu đào tạo kỹ năng mềm là cần thiết nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Tổng quan nghiên cứu liên quan

Các nghiên cứu về kỹ năng mềm trong lĩnh vực đào tạo y khoa và điều dưỡng trên thế giới đã phát triển mạnh trong những năm gần đây, tập trung vào việc xác định vai trò, mức độ ảnh hưởng cũng như các phương thức tích hợp kỹ năng mềm vào chương trình đào tạo. Nhìn chung, các công trình nghiên cứu đều thống nhất rằng kỹ năng mềm là thành tố không thể tách rời của năng lực hành nghề trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe. Kavanagh và Sharpnack (2021) cho rằng các năng lực nghề nghiệp cốt lõi của nhân lực y tế hiện đại đều bao gồm cả kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm, trong đó các kỹ năng như giao tiếp, làm việc nhóm và quản lý cảm xúc có vai trò đặc biệt quan trọng trong môi trường lâm sàng.

Một hướng nghiên cứu nổi bật là phân tích mối quan hệ giữa kỹ năng mềm và kết quả học tập, thực hành lâm sàng của sinh viên. Chacko et al. (2023) đã chỉ ra rằng sinh viên có mức độ thành thạo kỹ năng mềm cao thường đạt kết quả tốt hơn trong thực hành lâm sàng, đặc biệt là trong các hoạt động cần sự phối hợp nhóm và giao tiếp với người bệnh. Tương tự, nghiên cứu của Phạm Khánh Duy (2024) khẳng định kỹ năng làm việc nhóm có ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả hoạt động nhóm của sinh viên điều dưỡng, đồng thời giúp nâng cao chất lượng chăm sóc bệnh nhân. Bên cạnh đó, Ramalingam et al. (2024) cho thấy mức độ thực hành kỹ năng mềm của sinh viên điều dưỡng vẫn còn ở mức trung bình, phản ánh khoảng cách giữa yêu cầu thực tiễn và năng lực hiện có của người học.

Một số nghiên cứu tập trung vào kỹ năng kiểm soát cảm xúc và trí tuệ cảm xúc trong đào tạo y khoa. Pareek (2023) nhấn mạnh vai trò của đào tạo trí tuệ cảm xúc trong việc nâng cao khả năng thích ứng với căng thẳng và cải thiện hiệu quả giao tiếp của sinh viên điều dưỡng. O'Sullivan et al. (2021) cũng chỉ ra rằng kỹ năng đối phó với căng thẳng có mối liên hệ chặt chẽ với sức khỏe tâm lý và kết quả học tập của sinh viên. Nghiên

cứu của Yang et al. (2024) tiếp tục khẳng định rằng khả năng quản lý cảm xúc có ảnh hưởng trực tiếp đến kỹ năng giao tiếp lâm sàng, qua đó tác động đến chất lượng tương tác giữa nhân viên y tế và người bệnh.

Ở góc độ phương pháp đào tạo, nhiều nghiên cứu đã đề xuất các mô hình tích hợp kỹ năng mềm vào chương trình đào tạo y khoa. Ahmad (2025) đã chứng minh hiệu quả của việc tích hợp kỹ năng mềm thông qua hình thức đánh giá lâm sàng khách quan có cấu trúc (OSCE), giúp sinh viên phát triển đồng thời kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm trong các tình huống mô phỏng thực tế. Naamati-Schneider (2025) cũng nhấn mạnh rằng việc học tập trải nghiệm và môi trường học tập tương tác là yếu tố quan trọng giúp sinh viên lĩnh hội kỹ năng mềm hiệu quả hơn. Tuy nhiên, Dorosti (2025) chỉ ra rằng sinh viên điều dưỡng vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận và phát triển kỹ năng sống do hạn chế về phương pháp giảng dạy và sự thiếu đồng bộ trong chương trình đào tạo.

Trong bối cảnh sau đại dịch, nghiên cứu của De Carlo et al. (2025) cho rằng kỹ năng mềm đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính bền vững của nguồn nhân lực y tế, giúp người học nâng cao khả năng thích ứng với những biến động của môi trường làm việc. Điều này càng khẳng định sự cần thiết của việc đào tạo kỹ năng mềm một cách hệ thống và bài bản trong các chương trình giáo dục y khoa.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu về kỹ năng mềm trong giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp đã bước đầu được quan tâm, tuy nhiên còn phân tán và chưa tập trung nhiều vào lĩnh vực y tế. Thảo (2024) nhận định rằng hoạt động giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên hiện nay còn mang tính hình thức, chưa gắn với yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp. Nguyễn Thị Yến Ngọc (2024) đề xuất xây dựng khung kỹ năng mềm theo hướng tiếp cận năng lực nhằm đảm bảo tính hệ thống và khả năng ứng dụng trong đào tạo. Phạm Thanh Tân et al. (2025) cũng nhấn mạnh vai trò của đào tạo kỹ năng mềm trong việc nâng cao năng lực việc làm của sinh viên, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Trong lĩnh vực y khoa, một số nghiên cứu đã đề cập đến nhu cầu và năng lực của sinh viên. Trần Nhật Phương et al. (2022) cho thấy sinh viên ngành bác sĩ đa khoa có nhu cầu cao đối với việc phát triển các kỹ năng bổ trợ, trong đó có kỹ năng mềm nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong bối cảnh mới. Nguyễn Ngọc Phương Thư et al.

(2023) cũng chỉ ra mức độ sẵn sàng của sinh viên đối với các chương trình giáo dục liên ngành – một môi trường đòi hỏi cao về kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp. Bên cạnh đó, Nguyễn Thị Kim Ngân (2025) cho thấy sinh viên còn hạn chế trong một số kỹ năng học tập cơ bản, trong đó có quản lý thời gian.

Ngoài ra, các nghiên cứu cũng chỉ ra vai trò của các yếu tố cá nhân và môi trường học tập đối với sự phát triển kỹ năng mềm. Tran Thi Kim Chi (2022) cho rằng động cơ học tập, phương pháp giảng dạy và môi trường học tập là những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến việc hình thành kỹ năng mềm của sinh viên. Thanh et al. (2024) nhấn mạnh môi trường học tập lâm sàng có tác động trực tiếp đến trải nghiệm học tập và năng lực của sinh viên y khoa. Đồng thời, Tạ Thị Miến et al. (2024) chỉ ra mối liên hệ giữa đặc điểm tính cách và kết quả đánh giá kỹ năng y khoa, qua đó cho thấy sự khác biệt cá nhân cũng ảnh hưởng đến quá trình phát triển kỹ năng mềm.

Tổng hợp các nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy, mặc dù đã có nhiều công trình đề cập đến vai trò và thực trạng kỹ năng mềm trong đào tạo y khoa, nhưng vẫn còn tồn tại khoảng trống nghiên cứu liên quan đến việc xác định nhu cầu đào tạo cụ thể đối với từng nhóm kỹ năng mềm, đặc biệt là đối với sinh viên ngành Y sĩ đa khoa tại các trường cao đẳng. Phần lớn các nghiên cứu hiện nay tập trung vào sinh viên đại học hoặc điều dưỡng, trong khi đối tượng sinh viên cao đẳng y sĩ đa khoa – với đặc thù đào tạo và vị trí việc làm riêng biệt – chưa được nghiên cứu đầy đủ. Do đó, việc thực hiện nghiên cứu này là cần thiết nhằm bổ sung cơ sở thực tiễn và khoa học cho việc xây dựng chương trình đào tạo kỹ năng mềm phù hợp với đối tượng này.

2.2. Thực trạng

Trong những năm gần đây, vấn đề đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên trong các cơ sở giáo dục, đặc biệt là khối ngành sức khỏe, đã nhận được sự quan tâm nhất định tại Việt Nam. Tuy nhiên, các nghiên cứu trong nước cho thấy thực trạng phát triển kỹ năng mềm của sinh viên vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của thực tiễn nghề nghiệp, nhất là trong môi trường y tế có tính đặc thù cao.

Trước hết, về tổng thể, hoạt động giáo dục kỹ năng mềm tại các cơ sở đào tạo hiện nay vẫn chưa được triển khai một cách hệ thống và đồng bộ. Theo Thảo (2024), việc đào tạo kỹ năng mềm

trong nhiều trường đại học và cao đẳng còn mang tính hình thức, chủ yếu dừng lại ở các hoạt động ngoại khóa hoặc các học phần lồng ghép, thiếu sự liên kết chặt chẽ với chương trình đào tạo chuyên môn. Điều này dẫn đến việc sinh viên chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của kỹ năng mềm cũng như chưa có điều kiện rèn luyện một cách thường xuyên và bài bản. Bên cạnh đó, Nguyễn Thị Yến Ngọc (2024) cũng chỉ ra rằng việc thiếu một khung năng lực kỹ năng mềm chuẩn hóa khiến cho quá trình tổ chức đào tạo còn rời rạc, thiếu định hướng rõ ràng và khó đánh giá hiệu quả.

Đối với sinh viên khối ngành y, các nghiên cứu cho thấy mặc dù có nhu cầu cao về kỹ năng mềm, nhưng năng lực thực tế còn nhiều hạn chế. Trần Nhật Phương et al. (2022) khi khảo sát sinh viên ngành bác sĩ đa khoa đã nhận định rằng bên cạnh kiến thức chuyên môn, sinh viên còn thiếu hụt đáng kể các kỹ năng hỗ trợ như làm việc nhóm, giao tiếp và quản lý bản thân – những yếu tố quan trọng trong hoạt động nghề nghiệp y khoa. Tương tự, Nguyễn Ngọc Phương Thư et al. (2023) cho thấy sinh viên y khoa có mức độ sẵn sàng nhất định đối với các hoạt động học tập liên ngành, nhưng vẫn gặp khó khăn trong việc phối hợp nhóm và thích nghi với môi trường học tập mang tính hợp tác cao.

Xét riêng từng nhóm kỹ năng, kỹ năng làm việc nhóm được ghi nhận là vừa có vai trò quan trọng, vừa tồn tại nhiều hạn chế trong thực tiễn. Sinh viên ngành y thường xuyên tham gia các hoạt động học tập theo nhóm và thực hành lâm sàng, tuy nhiên khả năng phối hợp, phân công nhiệm vụ và giao tiếp trong nhóm chưa thực sự hiệu quả. Điều này có thể xuất phát từ việc thiếu các hoạt động đào tạo chuyên sâu về kỹ năng làm việc nhóm cũng như thiếu môi trường thực hành phù hợp.

Đối với kỹ năng quản lý thời gian, đây là một trong những kỹ năng còn nhiều bất cập ở sinh viên. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Kim Ngân (2025) cho thấy một bộ phận sinh viên chưa có phương pháp học tập hiệu quả, chưa biết phân bổ thời gian hợp lý giữa học lý thuyết, thực hành và tự học. Tình trạng này dẫn đến áp lực học tập gia tăng, ảnh hưởng đến kết quả học tập cũng như khả năng thích ứng với chương trình đào tạo có cường độ cao của ngành y.

Kỹ năng kiểm soát cảm xúc, mặc dù có vai trò đặc biệt quan trọng trong môi trường y tế, lại là một trong những kỹ năng ít được chú trọng trong đào tạo. Các nghiên cứu trong nước cho thấy sinh

viên y khoa thường xuyên phải đối mặt với áp lực học tập và thực hành lâm sàng, nhưng chưa được trang bị đầy đủ các kỹ năng đối phó với căng thẳng và điều chỉnh cảm xúc. Thanh et al. (2024) cho thấy môi trường học tập lâm sàng có thể tạo ra nhiều áp lực tâm lý cho sinh viên, ảnh hưởng đến trải nghiệm học tập và hiệu quả tiếp thu kiến thức. Đồng thời, Tạ Thị Miên et al. (2024) chỉ ra rằng các yếu tố cá nhân như đặc điểm tính cách cũng có mối liên hệ với kết quả đánh giá kỹ năng y khoa, qua đó gián tiếp phản ánh vai trò của yếu tố cảm xúc trong quá trình học tập và thực hành.

Ngoài ra, các yếu tố ảnh hưởng đến việc phát triển kỹ năng mềm của sinh viên cũng đã được đề cập trong một số nghiên cứu. Trần Thị Kim Chi (2022) cho rằng động cơ học tập, phương pháp giảng dạy và môi trường học tập là những yếu tố quan trọng tác động đến quá trình hình thành kỹ năng mềm. Trong khi đó, Phạm Thanh Tân et al. (2025) nhấn mạnh rằng việc đào tạo kỹ năng mềm cần gắn với mục tiêu phát triển năng lực nghề nghiệp và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh mới.

Tổng hợp các nghiên cứu trong nước cho thấy thực trạng đào tạo và phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên, đặc biệt là sinh viên khối ngành y, vẫn còn nhiều hạn chế cả về nội dung, phương pháp và môi trường triển khai. Các kỹ năng như làm việc nhóm, quản lý thời gian và kiểm soát cảm xúc tuy được thừa nhận là cần thiết nhưng chưa được đào tạo một cách bài bản và hiệu quả. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải nghiên cứu cụ thể nhu cầu đào tạo kỹ năng mềm của sinh viên ngành Y sĩ đa khoa tại các trường cao đẳng, từ đó làm cơ sở đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu thực tiễn của ngành y tế.

2.3. Giải pháp

Từ kết quả nghiên cứu kỹ năng mềm của sinh viên ngành Y sĩ đa khoa còn ở mức trung bình và chưa đồng đều, đặc biệt hạn chế ở kỹ năng quản lý thời gian và kiểm soát cảm xúc, việc đề xuất các giải pháp mang tính hệ thống, phù hợp với đặc thù đào tạo y khoa là hết sức cần thiết. Các giải pháp không chỉ tập trung vào nội dung đào tạo mà còn phải bao quát phương pháp giảng dạy, môi trường học tập và cơ chế đánh giá nhằm đảm bảo hiệu quả bền vững.

Trước hết, cần xây dựng và hoàn thiện khung chương trình đào tạo kỹ năng mềm theo hướng tiếp cận năng lực, phù hợp với đặc thù ngành Y sĩ

đa khoa. Các kỹ năng như làm việc nhóm, quản lý thời gian và kiểm soát cảm xúc cần được xác định là những năng lực cốt lõi và được tích hợp chính thức vào chương trình đào tạo, thay vì chỉ lồng ghép mang tính hình thức. Nội dung đào tạo cần được thiết kế theo từng giai đoạn học tập, đảm bảo tính liên tục và phát triển dần từ nhận thức đến thực hành. Đồng thời, cần xây dựng chuẩn đầu ra cụ thể cho từng nhóm kỹ năng để làm cơ sở đánh giá và điều chỉnh chương trình.

Bên cạnh đó, đổi mới phương pháp giảng dạy là yếu tố then chốt để nâng cao hiệu quả đào tạo kỹ năng mềm. Các phương pháp dạy học tích cực như học tập theo tình huống (case-based learning), mô phỏng lâm sàng (simulation), học tập trải nghiệm (experiential learning) và làm việc nhóm cần được tăng cường áp dụng. Đặc biệt, việc sử dụng các tình huống mô phỏng gắn với thực tế lâm sàng sẽ giúp sinh viên rèn luyện đồng thời kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm, nhất là kỹ năng kiểm soát cảm xúc và giao tiếp trong môi trường áp lực cao. Ngoài ra, cần khuyến khích sinh viên tham gia các hoạt động thảo luận nhóm, phản biện và tự đánh giá nhằm nâng cao tính chủ động và khả năng tự học.

Một giải pháp quan trọng khác là tăng cường gắn kết giữa đào tạo kỹ năng mềm với hoạt động thực hành lâm sàng. Các cơ sở đào tạo cần phối hợp chặt chẽ với bệnh viện và cơ sở y tế để xây dựng môi trường học tập thực tế, nơi sinh viên có cơ hội vận dụng và rèn luyện kỹ năng mềm trong các tình huống nghề nghiệp cụ thể. Trong quá trình thực tập, cần có cơ chế hướng dẫn và phản hồi thường xuyên từ giảng viên và cán bộ y tế nhằm giúp sinh viên nhận diện điểm mạnh, điểm yếu và điều chỉnh hành vi phù hợp.

Đồng thời, cần chú trọng phát triển đội ngũ giảng viên có năng lực đào tạo kỹ năng mềm. Giảng viên không chỉ đóng vai trò truyền đạt kiến thức mà còn là người hướng dẫn, hỗ trợ và tạo động lực cho sinh viên trong quá trình phát triển kỹ năng. Do đó, cần tổ chức các chương trình bồi dưỡng, tập huấn về phương pháp giảng dạy kỹ năng mềm, kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm và kỹ năng đánh giá năng lực cho giảng viên.

Ngoài ra, việc xây dựng môi trường học tập tích cực cũng là yếu tố quan trọng góp phần phát triển kỹ năng mềm. Nhà trường cần tạo điều kiện để sinh viên tham gia các câu lạc bộ, hoạt động ngoại khóa, chương trình tình nguyện và các dự án cộng đồng. Đây là những môi trường thực tiễn

giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, quản lý thời gian và kiểm soát cảm xúc một cách tự nhiên và hiệu quả. Bên cạnh đó, cần tăng cường các dịch vụ hỗ trợ tâm lý học đường nhằm giúp sinh viên nâng cao khả năng thích ứng với áp lực học tập và nghề nghiệp.

Một giải pháp không kém phần quan trọng là đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá kỹ năng mềm theo hướng đánh giá năng lực thực tiễn. Thay vì chỉ đánh giá thông qua lý thuyết, cần sử dụng các công cụ đánh giá đa dạng như quan sát, đánh giá qua tình huống, phản hồi từ đồng đẳng (peer assessment) và đánh giá từ người hướng dẫn lâm sàng. Việc xây dựng các tiêu chí đánh giá rõ ràng, cụ thể sẽ giúp đảm bảo tính khách quan và khuyến khích sinh viên phát triển kỹ năng một cách thực chất.

Cuối cùng, cần tăng cường ứng dụng công nghệ trong đào tạo kỹ năng mềm. Các nền tảng học tập trực tuyến, mô phỏng ảo và công cụ hỗ trợ học tập có thể giúp sinh viên tiếp cận với các tình huống đa dạng, đồng thời tạo điều kiện cho việc học tập linh hoạt và cá nhân hóa. Việc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến (blended learning) sẽ góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo và đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng đa dạng của sinh viên.

Như vậy, các giải pháp đề xuất cần được triển khai một cách đồng bộ, có sự phối hợp giữa nhà trường, giảng viên và các cơ sở thực hành nhằm tạo ra môi trường đào tạo toàn diện. Điều này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên ngành Y sĩ đa khoa mà còn đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực y tế trong bối cảnh hiện nay.

III. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục nghề nghiệp và yêu cầu ngày càng cao của hệ thống y tế đối với nguồn nhân lực, việc phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên ngành Y sĩ đa khoa không còn là yếu tố bổ trợ mà đã trở thành yêu cầu cốt lõi nhằm đảm bảo năng lực hành nghề toàn diện. Nghiên cứu này đã tiếp cận một cách hệ thống từ cơ sở lý luận, tổng quan nghiên cứu, đến khảo sát thực tiễn nhằm làm rõ nhu cầu đào tạo các kỹ năng mềm thiết yếu, bao gồm làm việc nhóm, quản lý thời gian và kiểm soát cảm xúc.

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên ngành Y sĩ đa khoa đã có nhận thức nhất định về vai trò của kỹ năng mềm trong học tập và thực hành nghề nghiệp, tuy nhiên mức độ thành thạo còn hạn chế và chưa đồng đều giữa các nhóm kỹ năng. Trong đó, kỹ năng làm việc nhóm có xu hướng phát triển

tốt hơn nhờ được tiếp cận thường xuyên trong quá trình học tập, nhưng vẫn tồn tại những hạn chế về khả năng tổ chức, điều phối và giải quyết xung đột. Ngược lại, kỹ năng quản lý thời gian và kiểm soát cảm xúc là hai lĩnh vực còn nhiều bất cập, thể hiện qua điểm trung bình thấp và tỷ lệ sinh viên gặp khó khăn khá cao. Điều này phản ánh khoảng trống đáng kể giữa yêu cầu đào tạo và năng lực thực tế của sinh viên.

Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng nguyên nhân của thực trạng trên không chỉ xuất phát từ phía người học mà còn liên quan đến chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy và môi trường học tập. Việc thiếu một khung chương trình kỹ năng mềm mang tính hệ thống, phương pháp đào tạo còn nặng về lý thuyết, cùng với sự hạn chế trong việc gắn kết giữa đào tạo và thực hành lâm sàng đã ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả phát triển kỹ năng mềm của sinh viên.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu đã đề xuất một số nhóm giải pháp mang tính đồng bộ, bao gồm: xây dựng chương trình đào tạo kỹ năng mềm theo hướng tiếp cận năng lực; đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng trải nghiệm và mô phỏng; tăng cường gắn kết với môi trường thực hành

nghề nghiệp; phát triển đội ngũ giảng viên; cải thiện môi trường học tập và đổi mới công tác đánh giá. Các giải pháp này không chỉ hướng tới nâng cao năng lực cá nhân của sinh viên mà còn góp phần cải thiện chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong lĩnh vực y tế.

Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế nhất định như phạm vi khảo sát chưa bao quát toàn bộ các cơ sở đào tạo trên cả nước và chưa phân tích sâu sự khác biệt theo từng nhóm đối tượng cụ thể. Do đó, các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng quy mô mẫu, kết hợp các phương pháp phân tích sâu hơn và xem xét thêm các yếu tố ảnh hưởng khác nhằm hoàn thiện hơn bức tranh tổng thể về đào tạo kỹ năng mềm trong lĩnh vực y tế.

Tóm lại, việc nghiên cứu nhu cầu và đề xuất giải pháp đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên ngành Y sĩ đa khoa có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn. Đây là cơ sở để các cơ sở đào tạo điều chỉnh chương trình, phương pháp giảng dạy và chính sách đào tạo phù hợp, góp phần hình thành đội ngũ nhân lực y tế không chỉ vững chuyên môn mà còn có năng lực thích ứng, hợp tác và làm việc hiệu quả trong môi trường nghề nghiệp ngày càng phức tạp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Naamati-Schneider, L. (2025). Soft skills acquisition among healthcare students. Link: <https://pmc.ncbi.nlm.nih.gov/articles/PMC11992728/>
- Nguyễn Thị Kim Ngân (2025). Thực trạng một số kỹ năng học tập của sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2023. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*, 86, 147–153.
- Phạm Khánh Duy (2024). The influence of teamwork skills and challenges on team performance of nursing students. Link: <https://jvc.vnha.org.vn/tmh/article/view/872>
- Thanh, Đỗ Thị, et al. (2024). Thực trạng môi trường học tập của sinh viên năm 6 ngành bác sĩ đa khoa tại Trường Đại học Y Hà Nội năm học 2021–2022. *Tạp chí Y học Việt Nam*, 535(1).